TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **§éc lËp - Tù do - H¹nh phóc**
Sè: 203/2020/Q§ST-HNG§	*Tân Yên, ngày 09 tháng 12 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 319/2020/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020 giữa:

*** Nguyên đơn:** Anh Thân Văn N, sinh năm 1994

Nơi cư trú: Thôn Bình An, xã Tiền Phong, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn:** Chị Hà Thị Hồng A, sinh năm 1994

Nơi cư trú: Thôn Ba Làng, xã Quế Nham, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào khoản 3, khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 212; Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 55; khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Thân Văn N và chị Hà Thị Hồng A.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cho chị Hà Thị Hồng A tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Thân Hà Trúc Quỳnh, sinh ngày 10/3/2019. Anh Thân Văn N cấp dưỡng nuôi

con chung cho chị Hà Thị Hồng A 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng)/01 tháng kể từ tháng 02/2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh Thân Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh N thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Thân Văn N chịu cả 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2020/0000105 ngày 30/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận anh Thân Văn N đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- UBND xã Tiền Phong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Vân